

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH OF VIETNAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF DRUG QUALITY CONTROL HO CHI MINH CITY



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
Certificate of Analysis

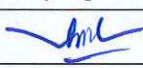


Tên dược liệu <i>Herbal Material name</i>	Tri mẫu (Thân rễ) <i>Rhizoma Anemarrhenae</i> Thân rễ phơi, sấy khô của cây Tri mẫu (<i>Anemarrhena asphodeloides</i> Bunge), họ Hành (Liliaceae)/ The dried Rhizoma of <i>Anemarrhena asphodeloides</i> Bunge (Family. Liliaceae).		
Số lô <i>Lot No.</i>	150-C0526AP	Quy cách đóng gói <i>Pack size</i>	Lọ 2 g/ 2 g bottle
Mục đích sử dụng <i>Intended use</i>	Sử dụng làm dược liệu đối chiếu trong phép thử định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng. <i>Used as a reference standard for identification by thin-layer chromatography.</i>		
Quy trình đánh giá <i>Procedure</i>	Đề cương nghiên cứu số 119 <i>Research Protocol No. 119</i>	Ngày ban hành <i>Date of issuance</i>	01/07/2026
Liên kết chuẩn <i>Traceability</i>	Chất chuẩn Sarsasapogenin, Lô: AA010725, hàm lượng 98,36 % ($C_{27}H_{44}O_3$) tính theo nguyên trạng. <i>The Sarsasapogenin, Lot No. AA010725, content 98.36 % ($C_{27}H_{44}O_3$) calculated on the "as is" basis.</i> Dược liệu chuẩn Tri mẫu (<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>), Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương, SKS: HP0121110. <i>Rhizoma Anemarrhenae reference drug, NIDQC, Control No. HP0121110.</i>		
Chỉ tiêu/ Specification	Mức chất lượng/ Acceptance criteria	Kết quả/ Result	
Mô tả/ Description	Bột màu trắng vàng/ Yellowish-white powder	Đạt/ Pass	
Định tính/ Identification <i>Phản ứng hóa học</i> <i>Chemical tests</i> <i>Sắc ký lớp mỏng</i> <i>Thin-layer chromatography</i>	Thể hiện các đặc điểm phản ứng hóa học của dược liệu Tri mẫu/ Positive for <i>Rhizoma Anemarrhenae</i> characteristics. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết cùng màu sắc và giá trị R_f với vết Sarsasapogenin trên sắc ký đồ của dung dịch chất chuẩn/ Test spot corresponds in colour and R_f value to Sarsasapogenin RS spot. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu chuẩn Tri mẫu/ Test spots		Đúng Positive

Địa chỉ/ Address: 200 Cô Bắc, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh
200 Co Bac, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City

Thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ/ Standard information of medicinal herbs can be accessed at the following address: <https://vienkiemnghiem.gov.vn/chat-chuan-doi-chieu/>

	<i>corresponds in color and R_f value to Anemarrhenae rhizoma reference drug spots.</i>	
Độ ẩm/ Water	Không quá 12,0 %/ <i>Not more than 12.0 %.</i>	11,2 %
Tro toàn phần/ Total ash	Không quá 8,5 % / <i>Not more than 8.5 %.</i>	3,7 %
Tạp chất và mốc mọt <i>Foreign matter, mold and insects</i>	Không được có/ <i>Not detected.</i>	0,0 %
Hướng dẫn sử dụng/ Instruction	Không sấy trước khi dùng/ <i>Do not dry before use.</i>	
Điều kiện bảo quản/ Storage condition	Nhiệt độ 2 °C - 8 °C, tránh ánh sáng/ <i>Store at 2 °C - 8 °C, protect from light.</i>	
Điều kiện vận chuyển/ Transport condition	Chống va đập/ <i>Handle with care.</i>	

Kiểm tra định kỳ <i>Retest</i>		
Ngày kiểm tra <i>Analysis Date</i>	Hạn dùng <i>Expiry date</i>	Phụ trách Khoa <i>Head of department</i>
	07/2027	

HCMC, Ngày/ Date: 01/07/2026

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vice Director



Nguyễn Thanh Hà

Địa chỉ/ Address: 200 Cô Bắc, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

200 Co Bac, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City

Thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ/ Standard information of medicinal herbs can be accessed at the following address: <https://vienkiemnghiem.gov.vn/chat-chuan-doi-chieu/>